

Bản án số: **64/2025/DS-ST**

Ngày: 20-8-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN V – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bình
- Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Liêu - Thư ký Tòa án nhân dân V - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân V - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Liên Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân V - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 729/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Bùi Văn T** sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Z, tỉnh Đồng Tháp).

Anh T ủy quyền cho: Chị **Phạm Như T1** sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Xã TMC, thành phố X, tỉnh Tiền Giang (nay là phường mp, tỉnh Đồng Tháp), (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2024).

*** Bị đơn:**

1/ Ông **Trần Văn M** sinh năm 1953 (có mặt);

2/ Bà **Nguyễn Thị P** sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Xã ĐHH, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

Ông M và bà P ủy quyền cho: Anh **Nguyễn Văn Z** sinh năm 1994 (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/02/2025, có mặt).

Địa chỉ thường trú: Xã QP, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã QP, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Như T1 trình bày:*

Vào ngày 26/7/2024, anh T có cho vợ chồng ông M bà P vay 580.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh với lãi suất là 20%/năm, trả lãi mỗi tháng vào ngày 01 tây, không hạn thời gian trả, khi nào cần thì anh T báo trước 10 ngày. Việc vay tiền có giấy biên nhận vay tiền ngày 26/7/2024.

Sau khi vay tiền, ông M bà P trả lãi không đầy đủ nên anh T đòi lại số tiền vốn nhưng ông M bà P cứ hạn mà không trả.

Nay anh T yêu cầu ông M bà P liên đới trả 580.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Z trình bày:*

Từ ngày 18/7/2023 đến ngày 11/8/2024, ông M bà P có vay của anh T nhiều lần tiền với số tiền tổng cộng là 550.000.000 đồng. Các lần vay tiền có lịch sử chuyển khoản giữa anh T chuyển khoản cho ông M bà P.

Ngày 24/6/2024, hai bên có chốt số nợ là 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2024.

Ngày 11/8/2024, ông M bà P vay tiếp 50.000.000 đồng nên tổng số tiền vay là 550.000.000 đồng.

Lãi suất vay dao động từ 7%/ tháng đến 20%/tháng.

Vào giữa tháng 10/2024, hai bên có gặp nhau để bàn bạc về số tiền lãi còn nợ là 35.000.000 đồng và hai bên thống nhất cộng số tiền lãi 35.000.000 đồng vào vốn, thành số tiền vốn là 585.000.000 đồng. Việc này không có giấy tờ nhưng có đoạn ghi âm thống nhất giữa hai bên. Ngày 17/11/2024, ông M bà P có trả cho anh T 5.000.000 đồng, còn nợ lại 580.000.000 đồng và hai bên thống nhất số tiền 580.000.000 đồng nợ còn lại không tính lãi về sau, ông M và bà P thỏa thuận trả cho anh T hàng tháng từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng. Đến ngày 19/11/2024, anh T có đến nhà ông M bà P để đòi lại số tiền 580.000.000 đồng vì anh T không đồng ý cho trả dần và anh T ghi phần tiền 580.000.000 đồng không tính lãi và hủy hóa đơn cũ, ông M bà P đồng ý và có ký tên.

Đến ngày 05/12/2024, anh T lại đến nhà ông M bà P, yêu cầu ông M bà P viết lại biên nhận. Ông M bà P có ký tên lại biên nhận mà hiện nay anh T dùng biên nhận đó để kiện vợ chồng ông M bà P. Khi đó biên nhận chưa ghi ngày, ngày 26/7/2024 do anh T tự ghi vào sau. Biên nhận có thông tin phần tiền 580.000.000 đồng không tính lãi và hủy hóa đơn cũ đã được anh T xé bỏ. Hiện nay ông M bà P còn nợ anh T 580.000.000 đồng tiền vốn. Ông M bà P đã trả đủ lãi từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2024 với mức lãi suất dao động từ 7%/ tháng đến 20%/tháng.

Ông M bà P có yêu cầu phản tố là yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả cho anh T là 458.066.667 đồng vào số tiền 580.000.000 đồng nên chỉ còn phải trả cho anh T số tiền còn lại là 91.933.333 đồng.

** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu*

khởi kiện, đại diện của bị đơn và ông M rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc ông M và bà P liên đới trả cho anh T 580.000.000 đồng; Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn: Xét thấy, tại phiên tòa, đại diện của bị đơn và ông M rút toàn bộ yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về yêu cầu ông Trần Văn M bà Nguyễn Thị P liên đới trả số tiền 580.000.000 đồng: Xét thấy, tại biên nhận đề ngày 26/7/2024 có thể hiện số tiền vay là 580.000.000 đồng, có chữ ký chữ viết của các bên và ông M bà P thừa nhận có chữ ký, chữ viết của ông bà, đây là tình tiết không phải chứng M theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra đại diện của bị đơn thừa nhận ngày 19/11/2024, anh T có đến nhà ông M bà P để đòi lại số tiền 580.000.000 đồng và khẳng định lúc này ông M bà P vẫn còn nợ số tiền 580.000.000 đồng đến nay chưa trả. Như vậy ông M bà P vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc ông M bà P liên đới trả cho anh T số tiền 580.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn M bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi và có nộp cho Tòa án đơn đề nghị miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông M bà P là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân V – Đồng Tháp là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị P.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T.

Buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị P liên đới trả cho anh Bùi Văn T số tiền 580.000.000 đồng (năm trăm tám mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị P.

- Hoàn trả lại cho anh Bùi Văn T 13.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016356 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

3/ Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với anh Bùi Văn T, ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị P được tính từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND V;
- THA DS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi